

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**PHẠM HỒ QUỲNH TRANG**

**BIỆN PHÁP XÂY DỰNG TRƯỜNG MẦM NON**  
**ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN**  
**HUYỆN HOÀ VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Quản lý giáo dục**  
**Mã số: 60.14.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ GIÁO DỤC HỌC**

**Đà Nẵng, Năm 2012**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. NGUYỄN QUANG GIAO**

Phản biện 1: **PGS.TS. LÊ QUANG SƠN**

Phản biện 2: **TS. HUỖNH THỊ TAM THANH**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sỹ Giáo dục học họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 16 tháng 12 năm 2012

*Có thể tìm luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Giáo dục mầm non (GDMN) là một bộ phận của hệ thống giáo dục quốc dân. GDMN thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em từ ba tháng đến sáu tuổi. Mục tiêu GDMN là giúp trẻ em phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp một. Do đó, phát triển vững chắc GDMN là tạo nền tảng cho sự phát triển giáo dục phổ thông, phát triển nguồn nhân lực cho tương lai.

Với tầm quan trọng của GDMN như vậy, trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách nhấn mạnh vai trò quốc sách hàng đầu của giáo dục và trong đó đặc biệt quan tâm GDMN.

Xây dựng hệ thống trường đạt chuẩn quốc gia (ĐCQG) ở các cấp học, bậc học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành giáo dục và đào tạo; là việc làm có ý nghĩa nhằm tạo điều kiện giáo dục toàn diện cho các thế hệ học sinh, tạo điều kiện nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài cho địa phương và cho đất nước;

Với sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ Huyện đến cơ sở, sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể và sự cố gắng của các trường mầm non trên địa bàn huyện, đến nay toàn Huyện có 3/16 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia. Tuy nhiên, so với yêu cầu, thì số trường MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng vẫn còn quá ít (mới chỉ đạt 18,3%). Việc xây dựng trường MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng còn gặp những khó khăn, hạn chế đáng kể là: tiêu chuẩn về quy mô trường lớp, cơ sở vật chất và trang thiết bị chưa đạt yêu cầu so với quy định; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn cao ở các trường mầm non thuộc địa bàn miền núi; đội ngũ giáo viên về trình độ đào tạo đã đạt chuẩn và trên chuẩn song năng lực dạy học vẫn chưa tương xứng. Bên cạnh đó, công tác tổ chức quản lý ở các trường mầm non chưa đáp ứng yêu cầu; công tác xã hội hóa giáo dục chưa được quan tâm đúng mức.

Để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục (CSGD) trẻ MN thì việc xây dựng trường MN ĐCQG trở thành vấn đề thực sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục của huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng lần thứ XV (nhiệm kỳ 2010 - 2015) đã đề ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2015 trên địa bàn Huyện có 9/16 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, nhằm mục đích nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần cùng toàn Huyện thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay.

Xuất phát từ các lý do nêu trên, chúng tôi chọn đề tài: ***“Biện pháp xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng”*** để nghiên cứu với mong muốn đẩy mạnh công tác xây dựng các trường mầm non trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trở thành trường MN ĐCQG nhằm góp phần phát triển sự nghiệp GD&ĐT của thành phố Đà Nẵng nói chung và huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng nói riêng.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về trường MN ĐCQG, xây dựng trường MN ĐCQG, tiến hành đánh giá thực trạng công tác xây dựng MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, đề tài đề xuất các biện pháp xây dựng các trường mầm non trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trở thành trường MN ĐCQG trong giai đoạn hiện nay.

## **3. Khách thể, đối tượng nghiên cứu**

### **3.1. Khách thể nghiên cứu**

Công tác xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

### **3.2. Đối tượng nghiên cứu**

Các biện pháp xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

## **4. Giả thuyết khoa học**

Chất lượng giáo dục toàn diện của ngành học MN trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng ngày càng được nâng cao nếu áp dụng đồng bộ các biện pháp xây dựng trường MN ĐCQG được đề xuất trong luận văn này.

## **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về trường MN ĐQGG, xây dựng trường MN ĐQGG.

- Phân tích, đánh giá thực trạng công tác xây dựng trường MN ĐQGG của các trường mầm non trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đề xuất các biện pháp xây dựng các trường mầm non trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trở thành trường MN ĐQGG.

## **6. Phạm vi nghiên cứu**

Luận văn tập trung nghiên cứu các biện pháp xây dựng trường các trường MN chưa ĐCQG trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng áp dụng để trở thành trường MN ĐCQG.

## **7. Phương pháp nghiên cứu**

### ***7.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết***

*7.1.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu*

*7.1.2. Phương pháp phân loại tài liệu*

### ***7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn***

*7.2.1. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi*

*7.2.2. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động*

*7.2.3. Phương pháp trò chuyện*

*7.2.4. Phương pháp quan sát*

*7.2.5. Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia*

### ***7.3. Nhóm phương pháp xử lý số liệu***

## **8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

### ***8.1. Ý nghĩa khoa học***

Hệ thống hóa các tài liệu, cơ sở lý luận về trường mầm MN ĐQGG và công tác xây dựng trường mầm MN ĐQGG.

### ***8.2. Ý nghĩa thực tiễn***

Đề xuất các biện pháp xây dựng trường MN ĐQGG gia trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

## **9. Cấu trúc của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận về xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

Chương 2: Thực trạng công tác xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Chương 3: Biện pháp xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

## **CHƯƠNG 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG**

### **TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA**

#### **1.1. Tổng quan các vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Những năm gần đây, việc nghiên cứu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tại các trường học được thể hiện trong các công trình tiêu biểu của một số tác giả dưới hình thức luận văn thạc sĩ. Bên cạnh đó thì có rất nhiều đề án của các địa phương trong việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Nhìn chung, nghiên cứu công tác QL nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ở các nhà trường nói chung và trường MN nói riêng đã được các cấp QL giáo dục, các nhà nghiên cứu quan tâm. Tuy nhiên trên thực tế, còn ít công trình nghiên cứu về quản lý xây dựng trường ĐCQG. Đặc biệt, cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào về biện pháp xây dựng trường MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, đề xuất các biện pháp xây dựng trường MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng là cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

#### **1.2. Các khái niệm cơ bản của đề tài**

##### **1.2.1. Quản lý, quản lý giáo dục**

##### **1.2.1.1. Quản lý**

Tác giả Trần Kiểm cho rằng: QL là những tác động của chủ thể QL trong việc huy động, phát huy, kết hợp, sử dụng, điều phối các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) trong và ngoài tổ chức (chủ yếu là nội lực) một cách tối ưu nhằm đạt mục đích của tổ chức với hiệu quả cao nhất [11].

Như vậy, có thể khái quát QL là sự tác động có chủ đích của chủ thể QL lên đối tượng QL nhằm phát huy tiềm năng của các yếu tố, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và cơ hội của tổ chức, nhằm đảm bảo cho tổ chức vận hành tốt, đạt mục tiêu với chất lượng và hiệu quả tối ưu.

### *1.2.1.2. Quản lý giáo dục*

Theo tác giả Trần Kiểm, “Khái niệm QLGD có nhiều cấp độ. Ít nhất có hai cấp độ: cấp độ vĩ mô là quản lý hệ thống giáo dục và cấp vi mô là quản lý nhà trường [11].

Theo tác giả Phạm Minh Hạc cho rằng, “QLGD là sự tác động có ý thức của chủ thể QL đến khách thể QL nhằm đưa hoạt động sư phạm của hệ thống giáo dục đạt được kết quả cao nhất” [17].

Từ những quan niệm đã nêu, trên bình diện tổng quát, có thể hiểu QLGD là hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể QL đến khách thể QL nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra.

## **1.2.2. Quản lý trường mầm non**

### *1.2.2.1. Quản lý nhà trường*

Theo Phạm Minh Hạc: Quản lý trường học là thực hiện đường lối giáo dục của Đảng trong phạm vi trách nhiệm của mình, tức là đưa nhà trường vận hành theo nguyên lý giáo dục để tiến tới mục tiêu giáo dục, mục tiêu đào tạo đối với ngành GD&ĐT, đối với thể hệ trẻ và học sinh [17].

Tác giả Thái Duy Tuyên cho rằng: Quản lý nhà trường là hoạt động của các cơ quan QL GD nhằm tập hợp và tổ chức các hoạt động của GV, HS và các lực lượng giáo dục khác, huy động tối đa các nguồn lực giáo dục để nâng cao chất lượng GD&ĐT trong nhà trường [27].

Như vậy, quản lý nhà trường chính là sự tác động có chủ đích của chủ thể QL đến tất cả các yếu tố, các mối quan hệ, các nguồn lực nhằm đưa mọi hoạt động của nhà trường đạt đến mục tiêu GD mà xã hội yêu cầu.

### *1.2.2.2. Quản lý trường mầm non*

Quản lý trường MN là tập hợp những tác động tối ưu của chủ thể quản lý đến tập thể cán bộ GV nhằm thực hiện có chất lượng mục tiêu, kế hoạch giáo dục của nhà trường, trên cơ sở tận dụng các tiềm lực vật chất và tinh thần của xã hội, nhà trường và gia đình.

Từ khái niệm nêu trên cho thấy thực chất công tác quản lý trường mầm non là quản lý quá trình chăm sóc giáo dục trẻ, đảm bảo cho quá trình đó vận hành thuận lợi và có hiệu quả. Quá trình chăm sóc giáo dục trẻ gồm các nhân tố tạo thành sau: Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện chăm sóc giáo dục trẻ. giáo viên (lực lượng giáo dục), trẻ em từ 3 tháng tuổi đến 72 tháng tuổi (đối tượng giáo dục), kết quả chăm sóc,

giáo dục trẻ.

### **1.2.3. Trường đạt chuẩn quốc gia và trường mầm non đạt chuẩn quốc gia**

#### **1.2.3.1. Trường chuẩn quốc gia**

Trường chuẩn quốc gia là nhà trường đạt đầy đủ các tiêu chí được quy định trong bộ tiêu chuẩn trường ĐCQG và được kiểm tra, đánh giá, công nhận bởi UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khi có tờ trình của UBND quận, huyện.

#### **1.2.3.2. Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia**

Trường MN ĐCQG là trường mầm non đáp ứng đầy đủ 5 tiêu chuẩn của trường MN ĐCQG được nêu rõ trong Quyết định số 36/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế công nhận trường MN ĐCQG, bao gồm:

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý;

Tiêu chuẩn 2: Đội ngũ giáo viên và nhân viên;

Tiêu chuẩn 3: Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ;

Tiêu chuẩn 4: Quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất và thiết bị;

Tiêu chuẩn 5: Thực hiện xã hội hóa giáo dục.

### **1.3. Đặc trưng của giáo dục mầm non**

Theo cách tiếp cận nội dung thì GDMN là một phân hệ của hệ thống GD&ĐT “GDMN thực hiện việc nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục từ 3 tháng tuổi đến 6 tuổi”. Theo cách tiếp cận hệ thống thì GDMN có vị trí là phân hệ đầu tiên trong hệ thống GD quốc dân. Phân hệ này có nhiệm vụ thực hiện sự hài hoà giữa chăm sóc và giáo dục phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ MN từ 3 tháng đến sáu tuổi.

#### **1.3.1. Mục tiêu giáo dục mầm non**

Mục tiêu của GDMN là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời

#### **1.3.2. Nhiệm vụ của giáo dục mầm non**



GDMN có nhiệm vụ thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 3 tháng đến 6 tuổi nhằm mục tiêu giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ... nhằm hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tiền đề cần thiết cho trẻ bước vào lớp một cũng như đặt nền móng cho sự phát triển nhân cách về sau.

### ***1.3.3. Nội dung, phương pháp giáo dục mầm non***

#### ***1.3.3.1. Yêu cầu về nội dung giáo dục mầm non***

Nội dung GDMN phải đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó. Phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, hài hoà giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

#### ***1.3.3.2. Phương pháp giáo dục mầm non***

Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; Đối với giáo dục mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ.

### ***1.3.4. Đặc điểm lao động sư phạm trong trường mầm non***

Đối tượng lao động của GV MN rất đặc biệt, đó là trẻ em trước tuổi đến trường (từ 3 tháng tuổi đến 6 tuổi), là tuổi bắt đầu hình thành nhân cách, lĩnh hội tri thức, phát triển trí tuệ, hình thành phẩm chất đạo đức con người. Công cụ lao động sư phạm của GDMN chính là nhân cách của người giáo viên. Giáo viên có công cụ đặc biệt đó là trí tuệ và phẩm chất của mình.

## **1.4. Xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia**

### ***1.4.1. Nội dung quản lý xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia***

#### ***1.4.1.1. Kế hoạch hoá công tác xây dựng trường MN ĐCQG***

Đây là giai đoạn quan trọng nhất của quá trình xây dựng trường MN ĐCQG, một trong những chức năng cơ bản của quản lý là lập và thực hiện kế hoạch. Đó là việc định ra kế hoạch khả thi về quản lý hoạt động xây dựng trường MN ĐCQG trên cơ sở quy hoạch phát triển các trường MN của mỗi nhà trường.

Kế hoạch xây dựng trường MN ĐCQG cần đảm bảo các yêu cầu: Phân tích được tình hình, nêu rõ được điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường về công tác xây dựng trường MN ĐCQG; phân tích được khó khăn, thuận lợi

của nhà trường về công tác xây dựng trường MN ĐCQG; Xác định được các nhu cầu trong công tác xây dựng trường MN ĐCQG; Vạch ra được mục tiêu trong xây dựng trường MN ĐCQG; Cụ thể hoá thành các nhiệm vụ cần tiến hành; Gắn nhiệm vụ vào các mốc thời gian cụ thể.

Như vậy, việc lập kế hoạch quản lý có mối quan hệ mật thiết đến chất lượng và hiệu quả công tác xây dựng trường MN ĐCQG.

Kết quả của giai đoạn này phải đạt được sự thống nhất cao trong nhà trường, kế hoạch phải được triển khai đến toàn thể giáo viên trong trường, báo cáo với chính quyền địa phương để huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị của địa phương vào tham gia xây dựng trường MN ĐCQG. Kinh nghiệm trong quản lý cho thấy, trường MN nào làm tốt công tác xây dựng kế hoạch thì trường đó thực hiện một cách tốt nhất.

*1.4.1.2. Đánh giá thực trạng các trường mầm non so với các tiêu chuẩn của trường mầm non đạt chuẩn quốc gia*

Để có cơ sở cho mỗi trường MN đề xuất các biện pháp xây dựng trường MN ĐCQG, một việc không kém phần quan trọng là mỗi nhà trường cần phải đánh giá đúng thực trạng của trường mình. Việc đánh giá đúng thực trạng trường MN cho phép nhà trường nhận biết được thực trạng của nhà trường so với các tiêu chuẩn cần đạt được để công nhận trường MN ĐCQG, biết được cụ thể tiêu chuẩn nào đã đạt hoặc tiêu chuẩn nào chưa đạt theo 5 tiêu chuẩn của trường MN ĐCQG được quy định tại quyết định số 36 /2008/QĐ-GDDT ngày 16/7/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy chế công nhận trường MN ĐCQG.

Đánh giá thực trạng của các trường MN đòi hỏi phải khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình đánh giá phải dựa trên các thông tin, minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Việc đánh giá của mỗi nhà trường tránh theo kiểu báo cáo thành tích. Đánh giá đúng thực trạng thì sẽ là căn cứ cho mỗi nhà trường xác định được những nhiệm vụ, những mục tiêu cần phải thực hiện để đảm bảo các quy định trường ĐCQG. Việc đánh giá này phải rà soát theo các tiêu chí ở 5 tiêu chuẩn của trường MN ĐCQG được quy định tại Quyết định 36 /2008/QĐ-GDDT ngày 16/7/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy chế công nhận trường MN ĐCQG.

*1.4.1.3. Áp dụng các biện pháp quản lý nhằm đạt tiêu chuẩn trường mầm non đạt chuẩn quốc gia*

Trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng của nhà trường MN theo 5 tiêu chuẩn xét công nhận trường MN ĐCQG, các trường MN đề xuất và áp dụng các biện pháp QL nhằm đạt tiêu chuẩn trường MN ĐCQG.

*a. Tổ chức và quản lý*

Các quyết định QL phải nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của đối tượng bị quản lý trong công việc chung. Điều đó thể hiện rõ vai trò, vị trí của các quy chế quản lý của chủ thể quản lý đối với hoạt động giáo dục nói chung và đối với hoạt động xây dựng trường MN ĐCQG nói riêng. Sự điều chỉnh các quy chế quản lý có mối quan hệ chặt chẽ với kết quả việc xây dựng trường MN ĐCQG.

*b. Đội ngũ giáo viên và nhân viên*

Trong quá trình nâng cao chất lượng CSGD trẻ, đội ngũ GV là nhân tố đóng vai trò quyết định. Trường MN cần có kế hoạch và biện pháp để giúp đội ngũ GV không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và trau dồi các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của bản thân. Đội ngũ GV xây dựng kế hoạch để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

*c. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ*

Trong việc dạy dỗ, nhà trường mầm non phải thực hiện đúng nội dung, chương trình các môn học để cung cấp cho trẻ những tri thức ban đầu về thế giới xung quanh, giúp trẻ phát triển được các phẩm chất nhân cách phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Trong việc nuôi dưỡng, nhà trường phải thực hiện nghiêm túc các chế độ sinh hoạt của trẻ theo qui định của Bộ GD&ĐT, phải nuôi dưỡng trẻ theo khoa học.

*d. Quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất và thiết bị*

Vậy để đảm bảo các điều kiện công nhận trường MN ĐCQG thì mỗi nhà trường MN cần chú ý đến việc đảm bảo môi trường, cảnh quan sư phạm. Các phòng học, phòng ăn, phòng ngủ, khu vệ sinh phải thoáng mát, sạch sẽ. Khuôn viên của trường phải đủ rộng để tạo dựng được một khu vườn tự nhiên sinh động và khu vui chơi rộng rãi, an toàn. Mỗi trường phải đảm bảo diện tích đất để xây dựng các phòng chức năng.

*e. Thực hiện xã hội hóa giáo dục*

Xã hội hóa GDMN đó là việc huy động nhân lực, tài lực, vật lực của xã hội vào quá trình CSGD trẻ thơ (dưới 6 tuổi) và đưa mục tiêu GDMN vào đời sống cộng đồng để trẻ trong lứa tuổi này “Phát triển cơ thể

cân đối khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, biết kính trọng yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo và người trên, yêu quý anh chị em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, hồn nhiên, yêu thích cái đẹp, ham hiểu biết, thích đi học”.

#### **1.4.2. Vai trò của hiệu trưởng, giáo viên, cha mẹ trẻ đối với công tác xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia**

##### **Tiểu kết chương 1**

Xây dựng trường MN ĐCQG là hoạt động có mục đích với các giải pháp khoa học của người quản lý đến các lực lượng giáo dục nhằm đảm bảo đầy đủ các điều kiện chăm sóc giáo dục trẻ. Để trường MN được công nhận trường ĐCQG theo quy định của Bộ GD&ĐT thì mỗi nhà trường, đặc biệt là người hiệu trưởng cần xây dựng lộ trình cụ thể và thực hiện các giải pháp đồng bộ. Những biện pháp đó được xây dựng trên cơ sở lý luận và trên cơ sở thực trạng về công tác QL GD nói chung, thực trạng xây dựng trường MN ĐCQG tại các trường MN trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng nói riêng. Thực trạng công tác xây dựng trường MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng được chúng tôi tiếp tục nghiên cứu và trình bày kết quả chương 2 của luận văn.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

#### **2.1. Khái quát về quá trình khảo sát**

#### **2.2. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội của huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng**

#### **2.3. Tình hình phát triển giáo dục mầm non ở huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng**

##### *2.3.1 Về qui mô phát triển trường lớp*

##### *2.3.2. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ*

##### *2.3.3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường MN*

##### *2.3.4. Số lượng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia*

##### *2.3.5. Số trường mầm non chưa ĐCQG và đặc điểm của các trường*

#### **2.4. Thực trạng công tác xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng**

#### **2.4.1. Về nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV)**

Công tác xây dựng trường MN ĐCQG, tuy đã được các cấp uỷ Đảng, chính quyền nhận thức và chỉ đạo, song việc nhận thức vẫn còn chưa thật đầy đủ. Vẫn còn tình trạng CBQL, GV xem việc xây dựng trường MN ĐCQG là trách nhiệm của cấp trên. Bên cạnh đó một bộ phận cha mẹ trẻ vẫn chưa nhận thức được tác dụng của trường ĐCQG trong việc nâng cao chất lượng CSGD trẻ.

#### **2.4.2. Công tác xây dựng trường MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng**

##### **2.4.2.1. Thực trạng kế hoạch xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.**

Trên cơ sở kế hoạch của Huyện, mỗi trường MN đều lập kế hoạch xây dựng trường MN ĐCQG của đơn vị. Qua việc nghiên cứu kế hoạch xây dựng trường MN ĐCQG của các trường MN trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thể hiện các trường đã lập đầy đủ kế hoạch, kế hoạch nêu rõ giải pháp, phân công từng thành viên trong nhà trường thực hiện. Tuy nhiên việc xây dựng kế hoạch của các trường vẫn chưa phù hợp, chưa khả thi.

##### **2.4.2.2. Thực trạng công tác tổ chức và quản lý trường MN**

Qua thực tế tại huyện Hoà Vang, công tác tổ chức quản lý các trường MN trong thời gian qua đã triển khai thực hiện tốt, thế nhưng việc thực hiện kế hoạch hoạt động của nhà trường đôi lúc chưa đúng với tiến độ đề ra. Công tác công khai, dân chủ các hoạt động trong nhà trường tuy có chuyển biến nhưng vẫn còn hình thức. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học còn hạn chế. Các tổ chức đoàn thể, hội đồng trường hoạt động chưa đi vào chiều sâu nên chưa tác động tích cực đến chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

##### **2.4.2.3. Thực trạng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường MN trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng**

###### **a) Về số lượng và trình độ đào tạo giáo viên mầm non**

Giáo viên MN toàn Huyện hiện có 357 người, trong đó 100% số giáo viên đạt trình độ chuẩn về đào tạo và đủ về số lượng theo quy định. Số giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn tỷ lệ 80,6% (so với chuẩn quy định tăng

60%). Tuy nhiên hai trường MN Tư thực thì tỷ lệ giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn chưa đạt quy định.

*b) Phẩm chất, đạo đức và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên mầm non huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng*

Đội ngũ GV luôn chấp hành nghiêm túc mọi chủ trương, chính sách của Nhà nước. Hầu hết các cô giáo sống trung thực, lành mạnh, giản dị, gương mẫu, được đồng nghiệp, người dân tín nhiệm và trẻ yêu quý; Các cô giáo luôn có tinh thần tự học, phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và thường xuyên rèn luyện sức khoẻ. Tuy trình độ đào tạo trên chuẩn khá cao nhưng năng lực dạy học ở một bộ phận GV vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu GDMN hiện nay.

*c) Hoạt động chuyên môn và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên*

Hoạt động chuyên môn của các trường MN có nhiều hình thức phong phú và hiệu quả. Giáo viên tham gia đầy đủ các hoạt động chuyên môn, chuyên đề và hoạt động xã hội do nhà trường tổ chức và phối hợp tổ chức. Ngoài ra nhà trường thường xuyên tổ chức các hội thi như: Thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, hội thi làm đồ dùng đồ chơi cho trẻ. Tuy nhiên hoạt động chuyên môn vẫn chưa thúc đẩy được chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ

#### *2.4.2.4. Thực trạng chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ*

Các trường MN thực hiện tốt chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. 100% trẻ được khám sức khoẻ định kỳ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Tỷ lệ chuyên cần của trẻ bình quân toàn huyện là 95,1%. Tỷ lệ trẻ phát triển đạt yêu cầu theo năm lĩnh vực ở từng độ tuổi khá cao 97,5%. Bên cạnh đó chất lượng CSGD trẻ chưa đồng đều giữa các trường trên địa bàn huyện, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn cao.

#### *2.4.2.5. Thực trạng về quy mô trường, lớp, CSVC và trang thiết bị*

Quy mô trường, lớp, CSVC và trang thiết bị các trường MN trên địa bàn Huyện trong những năm qua đã được đầu tư. Song mạng lưới trường lớp MN chưa thật đầy đủ để huy động trẻ đồng đều ra lớp. Số phòng học kiên cố còn thấp, trang thiết bị phục vụ học tập, vui chơi và sinh hoạt trẻ nghèo nàn. Quỹ đất dành cho nhà trường còn thiếu ở các điểm trường chính. Mỗi trường có nhiều điểm trường nên khó khăn trong công tác QL.

#### *2.4.2.6. Thực trạng việc thực hiện xã hội hóa giáo dục tại các trường MN trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng*

Tuy bước đầu đã có nhận thức đúng đắn về xã hội hoá GDMN, song sự nhận thức này chưa đều. Các nhận thức sâu sắc mới chỉ ở phạm vi hạn hẹp trong một số người có hiểu biết, được tiếp xúc thường xuyên với văn bản chỉ đạo, được tham dự nhiều cuộc hội thảo, hội nghị. Một bộ phận không nhỏ người dân và cả cán bộ, GV các nhà trường còn có sự hiểu đơn giản về XHH GD. Họ thường cho rằng nó chỉ đơn thuần nhằm vào việc huy động sự đóng góp của nhân dân, của cha mẹ trẻ. Đẳng rằng việc này là cần thiết trong hoàn cảnh hiện nay của nước ta, song đó không phải là duy nhất.

#### **2.4.3. Đánh giá chung**

##### *2.4.3.1. Những thuận lợi trong công tác xây dựng trường MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng*

Công tác xây dựng trường MN ĐCQG ở các trường MN trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng luôn nhận sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của các cấp. Hằng năm các trường MN đều lập kế hoạch xây dựng trường MN ĐCQG Đội ngũ giáo viên, nhân viên và CBQL được tăng cường về số lượng và chất lượng. CSVC các trường MN tiếp tục được đầu tư nâng cấp. Công tác XHH GD đã có những chuyển biến về mặt nhận thức trong cha mẹ trẻ và trong cộng đồng, tạo nhiều thuận lợi trong việc phối hợp một cách đồng bộ nhằm đạt hiệu quả cao trong việc chăm sóc GD trẻ.

##### *2.4.3.2. Những khó khăn, hạn chế trong công tác xây dựng trường MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng*

Khó khăn lớn nhất là quỹ đất dành cho nhà trường. Các trường MN chưa xây dựng kế hoạch, lộ trình xây dựng trường MN ĐCQG phù hợp, khả thi với điều kiện cụ thể của nhà trường. Công tác tổ chức quản lý trong trường MN chưa thật chặt chẽ và hiệu quả. Ở một số trường MN, nhất là các trường vùng sâu vùng xa, chất lượng giáo dục còn thấp. Năng lực dạy học của một bộ phận GV chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDMN. Trong thực tế, số phòng học, nhà bếp cơ bản đã có song diện tích còn chật hẹp, chưa đảm bảo theo yêu cầu.

##### *2.4.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế*

Nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và người dân về bậc giáo dục mầm non đôi lúc đôi nơi chưa đầy đủ. Huyện Hoà Vang với địa hình cách trở, đi lại khó khăn nên không thể để trẻ đi học quá xa, do vậy có nhiều

điểm trường. Trình độ năng lực của GV chưa đồng đều, mặc dù trình độ đào tạo trên chuẩn khá cao song do đào tạo chấp vá, nhiều loại hình đào tạo. Một số CBQL chưa thực sự chủ động trong việc tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực trình độ chuyên môn. Công tác xã hội giáo dục MN chưa được quan tâm đúng mức.

### **Tiểu kết chương 2**

Thời gian qua, các trường MN trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, đã có nhiều cố gắng trong công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Tuy nhiên, công tác quản lý xây dựng trường MN ĐCQG có một số mặt cần phải được sớm khắc phục.

Từ thực tế này muốn các trường mầm non trên địa bàn Huyện sớm được công nhận trường MN ĐCQG đòi hỏi các trường MN cần áp dụng các biện pháp khả thi cho công tác xây dựng trường MN ĐCQG trong thời gian đến.

## **CHƯƠNG 3**

### **BIỆN PHÁP XÂY DỰNG TRƯỜNG MN ĐCQG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÒA VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

#### **3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp**

#### **3.2. Biện pháp xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng**

##### **3.2.1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác xây dựng MN ĐCQG đối với CBQL, GV, NV nhà trường, cha mẹ trẻ và cộng đồng**

- Thông qua các buổi sinh hoạt chính trị, các buổi họp của đơn vị, các văn bản của nhà trường, cần quán triệt đề đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hiểu rõ về tầm quan trọng, kế hoạch, lộ trình xây dựng trường MN ĐCQG của đơn vị.

- Tổ chức quán triệt các nghị quyết của Đảng về GDMN đến từng cha mẹ trẻ ở nhà trường. Triển khai kế hoạch lộ trình xây dựng trường MN ĐCQG đến cộng đồng. Thông qua các phiên họp phụ huynh đầu năm, thông qua góc tuyên truyền của nhà trường. Tuyên truyền, cung cấp thông tin thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua hội nghị, hội thảo, chuyên đề, các diễn đàn.

- Thông qua website của ngành và các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền để mọi người nhận thức đúng ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng trường MN ĐCQG; thông tin về những yêu cầu, những



chỉ tiêu cần đạt được về công nhận trường MN ĐCQG theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác xây dựng MN ĐCQG đối với CBQL, GV nhà trường và cha mẹ trẻ và cộng đồng cần được thực hiện thường xuyên, sâu rộng qua các buổi hội họp, hội nghị, diễn đàn, tọa đàm... và tiến hành một cách có kế hoạch.

### ***3.2.2. Tăng cường công tác tổ chức và quản lý nhà trường đáp ứng tiêu chuẩn của trường MN ĐCQG***

- Các trường MN căn cứ vào nhiệm vụ hằng năm xây dựng kế hoạch hoạt động cho năm học, học kỳ, tháng và tuần, kế hoạch có biện pháp cụ thể và tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ trưởng chuyên môn tăng cường trách nhiệm trong công tác quản lý.

- Tổ chức và quản lý tốt các hoạt động hành chính, tài chính, trong nhà trường. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành. Thường xuyên tổ chức và duy trì các phong trào thi đua. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn.

- Phát huy vai trò của hội đồng trường trong các trường MN, các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Ban đại diện học sinh của nhà trường.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn trong nhà trường thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

- Tăng cường công tác quản lý nhà trường một cách dân chủ, công khai, minh bạch. Mỗi nhà trường cần tiếp tục gắn kết một cách hiệu quả các phong trào thi đua và các cuộc vận động của ngành phát động. Đồng thời, tiếp tục đổi mới quản lý giáo dục, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, là khâu đột phá để nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tăng cường và đổi mới kiểm tra, đánh giá các hoạt động nhà trường đã đề ra như: Lập kế hoạch kiểm tra định kỳ, kiểm tra chuyên đề hoạt động của nhà trường một cách cụ thể và toàn diện. Sau kiểm tra cần tổ chức rút kinh nghiệm và tiếp tục điều chỉnh nếu có vướng mắc.

### ***3.2.3. Phát triển đội ngũ GV theo hướng chuẩn hóa***

- Chỉ đạo bồi dưỡng phát triển năng lực sư phạm cho giáo viên thông qua các hoạt động; tổ chức sinh hoạt chuyên đề, tập huấn nâng cao năng

lực sư phạm cho giáo viên; tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin trong chăm sóc giáo dục trẻ.

- Tổ chức hội giảng hội thi, tổ chức cho các giáo viên theo học các lớp đào tạo chính quy, không chính quy để nâng cao năng lực sư phạm cho giáo viên. Bên cạnh đó, thực hiện tốt chương trình bồi dưỡng thường xuyên và bồi dưỡng hè, bồi dưỡng chuyên đề theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tăng cường bồi dưỡng chính trị đạo đức cho đội ngũ GV nhất là lực lượng GV trẻ.

- Động viên, khuyến khích GV tự làm và sử dụng hiệu quả đồ dùng dạy học; tích cực khai thác thông tin trên Internet, ứng dụng các phần mềm dạy học... để phục vụ tốt cho các hoạt động giáo dục.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng thông qua trang web của Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT, đến với tập san giáo dục của ngành... tham khảo những sáng kiến kinh nghiệm hay những điển hình GV giỏi.

- Hàng năm trường MN cần tiến hành dự giờ, khảo sát, phân loại giáo viên và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ. Tăng cường bồi dưỡng giáo viên qua nhiều hình thức như dự giờ, kiểm tra.

- Thực hiện biên chế các tổ chuyên môn phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của nhà trường, có kế hoạch bồi dưỡng cho tổ trưởng chuyên môn trong công tác xây dựng kế hoạch sinh hoạt tổ chuyên môn theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

- Trường MN cần tổ chức khảo sát, đánh giá toàn diện thực trạng đội ngũ GV của đơn vị. Đây là căn cứ quan trọng để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ đảm bảo tính khoa học và thực tiễn. Về quy hoạch đội ngũ, yêu cầu đủ về số lượng phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị, nhu cầu thực tế phát triển quy mô trường lớp của từng trường học và của địa phương, đồng thời phù hợp với định mức GV/lớp theo quy định của Bộ GD&ĐT.

#### ***3.2.4. Tăng cường quản lý đảm bảo chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ***

Tiếp tục triển khai và nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới cho 100% lớp mầm non. Tổ chức tốt việc chăm sóc nuôi dưỡng trẻ ở tất cả các trường mầm non đặc biệt lưu ý các xã miền núi.

Tổ chức tập huấn bồi dưỡng kỹ năng và phương pháp dạy trẻ làm quen chữ viết và làm quen tiếng Việt cho giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi. Đối với trường MN Hòa Bắc và Hòa Phú tăng cường các biện pháp chuẩn bị tiếng

Việt cho trẻ dân tộc thiểu số trước khi bước vào lớp 1 phù hợp điều kiện của địa phương.

- Hằng năm mỗi trường MN cần tổ chức cho trẻ tham gia các hội thi cho trẻ tham gia tạo điều kiện cho trẻ có cơ hội trải nghiệm nhằm hình thành cho trẻ kỹ năng sống, tăng tính mạnh dạn, tự tin...

- Các trường MN có đủ điều kiện về CSVC, cần tổ chức GV thực hiện thí điểm chương trình cho trẻ 5 tuổi làm quen với tiếng Anh. Tiếp tục triển khai có chất lượng việc cho trẻ làm quen vi tính qua phần mềm Kidsmart.

- Tổ chức tập huấn bồi dưỡng kỹ năng và phương pháp dạy trẻ làm quen chữ viết và làm quen tiếng Việt cho GV dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi.

- Các trường khuyến khích GV phát huy năng lực sáng tạo trong việc đổi mới phương pháp GDMN đặc biệt quan tâm đến kỹ năng giáo dục trẻ trong các lớp mẫu giáo. Đối với trường MN Hòa Bắc và Hòa Phú tăng cường các biện pháp chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số trước khi bước vào lớp 1 phù hợp điều kiện của địa phương.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các trường MN. Tổ chức các lớp bồi dưỡng cho GV về trình độ tin học, phấn đấu đến năm 2015, 100% cán bộ giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học và 20% số trường cập nhật thông tin về sự phát triển của trẻ trên web để phụ huynh có thể truy cập trên mạng.

### ***3.2.5. Đảm bảo quy mô trường lớp, cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học***

- Các trường MN cần làm tốt công tác tham mưu để hướng dẫn nhà trường trong việc quy hoạch địa điểm.

- Đối với các trường MN có nhiều điểm trường cần xây dựng đề án tách trường. Đối với các trường MN chưa đủ điều kiện tách trường thì cần xây dựng kế hoạch gộp các điểm trường.

- Các trường MN hằng năm cần lập kế hoạch đề nghị đầu tư xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất.

- Tổ chức cho giáo viên tăng cường làm đồ dùng, đồ chơi bằng các phế liệu có sẵn.

- Kiến tạo môi trường cảnh quan của nhà trường, môi trường sư phạm được quy hoạch chuẩn, trang bị hiện đại, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn. Các trường MN cần duy trì phong trào “Ngày chủ nhật xanh - sạch - đẹp” để tạo cảnh quang môi trường đảm bảo tốt nhất điều kiện chăm sóc

giáo dục trẻ.

### **3.2.6. Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục trong việc xây dựng trường MN ĐCQG**

Nhà trường phổ biến quan điểm của Đảng và nhà nước, các chính sách chăm sóc, bảo vệ trẻ em tới đời sống cộng đồng. Phối hợp cộng đồng trong việc thực hiện chương trình chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho trẻ

Nhà trường mầm non thực hiện việc truyền thông giáo dục kiến thức nuôi dạy trẻ đúng cho nhân dân và cán bộ quản lý cộng đồng. Huy động cộng đồng đầu tư nguồn lực cho mục tiêu và yêu cầu phát triển các trường mầm non.

- Các trường MN cần tham mưu cho chính quyền các cấp chỉ đạo xây dựng mạng lưới tuyên truyền viên bao gồm giáo viên MN, cán bộ y tế, cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ,... Tổ chức cho họ đến các gia đình có trẻ trong độ tuổi để tuyên truyền, hướng dẫn. Những tuyên truyền viên cần nắm chắc tri thức khoa học về nuôi dạy trẻ và biết linh hoạt áp dụng các tri thức khoa học đó phù hợp với hoàn cảnh của từng gia đình, địa phương và cần có khả năng giao tiếp để nâng cao hiệu quả tuyên truyền.

- Tuyên truyền trong quần chúng nhân dân và cha mẹ trẻ về mô hình trường MN ĐCQG. Trong đó, cần nêu rõ để cha mẹ trẻ hiểu được thực tế của nhà trường những tiêu chuẩn đã đạt được, những tiêu chuẩn còn thiếu hay chưa đạt để mọi người hiểu được thực tế công tác xây dựng trường MN ĐCQG của đơn vị. Từ đó cha mẹ trẻ, cộng đồng có những đóng góp cho nhà trường trong việc phấn đấu .

- Nhà trường cần tổ chức tuyên truyền trong cha mẹ HS và cộng đồng về truyền thống nhà trường; xây dựng chương trình phối hợp thường xuyên giữa nhà trường và gia đình nhằm hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ.

### **3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp**

Biện pháp để xây dựng trường MN ĐCQG là hệ thống đa dạng, năng động, không có biện pháp nào là vạn năng, trong từng giai đoạn, thời điểm nhất định, mỗi biện pháp có tính hiệu quả khác nhau. Vì vậy phải vận dụng nhiều biện pháp để phối hợp giải quyết một nhiệm vụ cụ thể. Các biện pháp quản lý cần kết hợp đồng bộ, có mối liên hệ mật thiết với nhau tạo thành một hệ thống hỗ trợ và bổ sung cho nhau. Tùy theo điều kiện, tình hình thực tế mà sắp xếp theo thứ tự, vị trí ưu tiên khác nhau cho từng biện pháp. Song ở mỗi biện pháp đều có mặt mạnh và mặt yếu, nên các trường

MN phải biết chọn lọc và phối hợp giữa các biện pháp để thực hiện đạt hiệu quả cao nhất.

### 3.4. Khảo nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất

#### 3.4.1. Quá trình khảo nghiệm

Để có những cơ sở khách quan, toàn diện về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng, chúng tôi trưng cầu ý kiến của 30 CBQL của các trường MN, đặc biệt quan tâm đến ý kiến của cán bộ có kinh nghiệm trong công tác xây dựng trường MN ĐCQG trên địa bàn Huyện thông qua phiếu trưng cầu ý kiến (phụ lục 2).

Sau khi thu nhận phiếu hỏi, chúng tôi sử dụng nhóm phương pháp xử lý số liệu phân tích, xử lý dữ liệu nghiên cứu và tính hệ số tương quan về tính về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp. Thang điểm đánh giá dành cho đối tượng khảo sát được quy ước gồm 5 bậc:

- |  |        |
|--|--------|
| 1. Rất cấp thiết/rất khả thi                         | 5 điểm |
| 2. Cấp thiết/ khả thi                                | 4 điểm |
| 3. Phân vân  | 3 điểm |
| 4. Không cấp thiết/không khả thi                     | 2 điểm |
| 5. Không hoàn toàn cấp thiết/không hoàn toàn khả thi | 1 điểm |

#### 3.4.2. Kết quả khảo nghiệm

**Bảng 3.3 Tổng hợp kết quả khảo nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp**

TT	Biện pháp xây dựng trường MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng	Kết quả			
		Tính cấp thiết		Tính khả thi	
		Điểm trung bình	Tỷ lệ % (so với điểm tối đa)	Điểm trung bình	Tỷ lệ % (so với điểm tối đa)
1	Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác xây dựng MN ĐCQG đối với CBQL, GV, cha mẹ trẻ và công đồng	4,73	94,6	4,73	94,6
2	Tăng cường công tác tổ chức và quản lý nhà trường	4,63	92,4	4,60	92,4

3	Phát triển đội ngũ GV theo hướng chuẩn hóa	4,63	92,6	4,53	90,6
4	Nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ	4,30	86,0	4,43	88,6
5	Đảm bảo quy mô trường lớp, cơ sở vật chất và thiết bị	4,76	95,2	4,40	88,0
6	Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục trong việc xây dựng trường MN ĐCQG	4,53	90,1	3,96	79,3

Biện pháp thứ nhất: *Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác xây dựng MN ĐCQG đối với CBQL, GV nhà trường, cha mẹ trẻ và cộng đồng*, mức độ cấp thiết và mức độ khả thi đều được đánh giá là 94,6%. Điều này cho thấy, việc nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác xây dựng MN ĐCQG đối với CBQL, GV nhà trường, cha mẹ trẻ và cộng đồng là đúng đắn. Vấn đề đặt ra cho mỗi CBQL, GV là cần biến nhận thức thành hành động cụ thể để công tác xây dựng trường MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đạt được yêu cầu đề ra.

Biện pháp thứ hai: *Tăng cường công tác tổ chức và quản lý nhà trường*, mức độ cấp thiết và mức độ khả thi đều được đánh giá là 92,4%. Điều này cho thấy kết quả khảo nghiệm thể hiện công tác tổ chức quản lý trong nhà trường kim chỉ nam định hướng cho việc triển khai quá trình xây dựng trường MN ĐCQG. Kết quả này cho thấy có sự tương đồng về mức độ khảo nghiệm tính cấp thiết và khả thi của biện pháp.

Biện pháp thứ ba: *Phát triển đội ngũ CBQL, GV, NV trong các trường MN*, sự chênh lệch giữa tính cấp thiết (92,6%) và tính khả thi (90,6%) ở mức độ không đáng kể. Các ý kiến đều cho rằng việc phát triển đội ngũ là cấp thiết và những biện pháp đề xuất là hoàn toàn khả thi. Tuy nhiên, trên thực tế việc phát triển số lượng đội ngũ GV để thực hiện nhưng để năng lực giảng dạy của GV đáp ứng nhu cầu hiện nay thì đòi hỏi cả một quá trình tự

học của GV và việc tổ chức thật tốt các hoạt động chuyên môn của nhà trường.

Biện pháp thứ tư: *Nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dạy trẻ trong các cơ sở GDMN*, mức độ cấp thiết: 86% và mức độ khả thi: 88,6%. Các phiếu tham khảo ý kiến đều tập trung đánh giá tính cấp thiết và khả thi của biện pháp ở mức độ khá và tương đối đồng đều. Tuy nhiên, tính cấp thiết của biện pháp chưa cao so với các biện pháp trên. Một bộ phận nhỏ (10%) đối tượng khảo sát còn phân vân và (3,3%) cho rằng không cấp thiết, mặc dù không nhiều nhưng cũng gặp khó khăn trong việc thực hiện biện pháp. Vì vậy để biện pháp thực hiện khả thi, cần có sự quan tâm hơn nữa của chủ thể quản lý trong công tác điều hành.

Biện pháp thứ năm: *Đảm bảo quy mô trường lớp, cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học*, ở biện pháp này, độ chênh lệch không nhiều giữa tính cấp thiết (95,2%) và tính khả thi (88%). Đảm bảo quy mô trường lớp, CSVC và thiết bị dạy học là yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng giáo dục trẻ tại các trường MN trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên đối tượng khảo sát (10%) còn phân vân và (10%) không thực hiện được về mức độ khả thi của biện pháp. Điều này lý giải, việc đầu tư CSVC, trang thiết bị cho các trường MN trên địa bàn huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố như: điều kiện kinh tế của Huyện còn khó khăn, diện tích đất trong việc xây dựng trường MN, ngân sách chi cho đầu tư CSVC trường MN còn hạn chế.

Biện pháp thứ sáu: *Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục trong việc xây dựng trường MN ĐCQG*, tính cấp thiết 90,1% và mức độ khả thi 88%, kết quả này cho thấy việc tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục là cần thiết, là điều kiện để các nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên việc thực hiện XHH GDMN trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng còn gặp nhiều khó khăn. Điều này lý giải, với địa bàn điều kiện kinh tế của nhân dân khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn nhiều nên việc huy động sức đóng góp của nhân dân là rất khó để thực hiện đáp ứng yêu cầu.

Bên cạnh việc khảo nghiệm tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp xây dựng trường MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, khi nghiên cứu, chúng tôi còn đo sự liên thuộc giữa các dấu hiệu của tính cấp thiết, tính khả thi của các biện pháp đối với CBQL bằng cách sử dụng công thức tính hệ số tương quan hạng của Spearman:

Căn cứ kết quả thứ bậc tại bảng 3.1 và 3.2, ta có kết quả tại bảng 3.4.

**Bảng 3.4. Kết quả đo sự liên thuộc các dấu hiệu của tính cấp thiết, tính khả thi của các biện pháp xây dựng trường MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng**

Giải pháp	Tính cấp thiết	Tính khả thi	$x_i - y_i$	$(x_i - y_i)^2$
1	2	1	1	1
2	3	2	1	1
3	3	3	0	0
4	6	4	2	4
5	1	5	-4	16
6	5	6	1	1
	$n=30$			$\Sigma=24$

Nhìn vào bảng 3.4, chúng tôi nhận thấy:

- Tính cấp thiết và khả thi của sáu biện pháp xây dựng trường MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng có sự liên thuộc với nhau khá tốt, cụ thể giá trị  $r$  là 0,99.

Từ những kết quả khảo nghiệm và đo sự liên thuộc giữa các dấu hiệu của tính hợp lý, tính khả thi của các biện pháp, chúng tôi nhận định:

- Trong các biện pháp đề xuất, các biện pháp 1, 2 áp dụng thuận lợi do tính cấp thiết và khả thi đạt mức cao và có sự gần như đồng nhất.

- Các biện pháp 3, 4 áp dụng tương đối thuận lợi tuy còn sự cách biệt nhỏ không đáng kể giữa mức độ cấp thiết và mức độ khả thi.

- Các biện pháp 5, 6 tuy mức độ cần thiết cao nhưng tính khả thi bị hạn chế do gặp những khó khăn về điều kiện kinh tế địa phương.

Tuy nhiên, nhìn chung, các biện pháp nêu trên xét trên tổng thể là cần thiết và khả thi trong điều kiện mỗi trường MN trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng hiện nay. Việc áp dụng đồng bộ các biện pháp theo hướng tuân thủ tính thực tiễn, phù hợp với hoàn cảnh và hướng vào hiệu quả, chắc chắn sẽ thúc đẩy công tác xây dựng trường MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của Huyện.



### **Tiểu kết chương 3**

Để các trường MN ở địa bàn huyện Hòa Vang công nhận trường MN ĐCQG, cần có những biện pháp quản lý cụ thể đã nêu trên. Kết quả khảo nghiệm đã đưa ra những cứ liệu để khẳng định: Các biện pháp do luận văn đề xuất là có tính cần thiết và có khả năng thực hiện. Đây là thuận lợi quan trọng để các trường quan tâm áp dụng vào thực tiễn quản lý xây dựng trường MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

## **KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Xây dựng trường MN ĐCQG là một giải pháp thiết thực, là điều kiện cần và đủ, là yếu tố quyết định việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Chính vì vậy mỗi nhà trường cần phải được nhìn nhận nghiêm túc, khách quan, và phải được quan tâm một cách thích đáng để từ đó đề ra các biện pháp thích hợp trong công tác xây dựng trường MN ĐCQG.

- Trên cơ sở lý luận về trường MN ĐCQG và thực trạng công tác xây dựng trường MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đồng thời căn cứ các tiêu chuẩn cần đạt được quy định tại Quyết định số 36/2008/QĐ-BGD&ĐT về việc ban hành Quy chế công nhận trường mầm non ĐCQG của Bộ GD&ĐT, luận văn đã đề xuất sáu biện pháp cơ bản về công tác quản lý xây dựng trường MN ĐCQG trên địa bàn huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay. Đó là các biện pháp: Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác xây dựng MN ĐCQG đối với CBQL, GV, NV nhà trường và cha mẹ trẻ và cộng đồng; Tăng cường công tác tổ chức và quản lý nhà trường đáp ứng tiêu chuẩn của trường MN ĐCQG; Phát triển đội ngũ GV, NV đáp ứng tiêu chuẩn của trường MN ĐCQG; Tăng cường quản lý đảm bảo chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng tiêu chuẩn của trường MN ĐCQG; Đảm bảo quy mô trường lớp, cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng tiêu chuẩn của trường MN ĐCQG; Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục trong việc xây dựng trường MN ĐCQG.

Để xây dựng trường MN trên địa bàn Huyện trở thành trường MN ĐCQG theo kế hoạch đã đề ra, việc vận dụng phối hợp các biện pháp nêu trên phải mang tính đồng bộ. Mỗi biện pháp đều có tác động tích cực cho

sự phát triển và có tính hỗ trợ nhau. Vì vậy không thể xem nhẹ biện pháp này hoặc coi trọng biện pháp kia. Tuy nhiên, để sớm thực hiện được mục tiêu thì việc lựa chọn các biện pháp và đề ra những việc làm cụ thể trong từng thời điểm là hết sức cần thiết. Mỗi biện pháp đều quyết định một tiêu chuẩn của quá trình xây dựng trường MN ĐCQG. Do vậy các trường MN cần cụ thể hoá nhiệm vụ, thực hiện theo quy trình và đảm bảo các nguyên tắc đã đề ra.

## **2. Khuyến nghị**

- Đối với UBND huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng
- Đối với Sở Giáo dục & Đào tạo thành phố Đà Nẵng
- Đối với Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng